

GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG THÔNG QUA GIỜ ĂN CHO TRẺ MẦM NON THEO LÝ THUYẾT GIÁO DỤC CỦA DAVID KOLB VÀ MARIA MONTESSORI

VŨ THỊ THANH HỒNG(*)

TÓM TẮT: Trong những năm gần đây, nhiều câu hỏi liên quan đến trẻ mầm non được đặt ra cho các nhà giáo dục. Có thể nêu lên một số câu hỏi chính yếu như: Có cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cơ bản? Những kỹ năng sống nên dạy cho trẻ là gì? Phương pháp nào giúp cho việc dạy kỹ năng sống đạt hiệu quả? Tại sao nạn bạo hành lại thường xảy ra ngay trong bữa ăn tại trường mầm non, thông qua bàn tay của những con người được xem là “người mẹ thứ hai” của trẻ?

Từ mối bận tâm này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu và thực nghiệm huấn luyện kỹ năng sống cho trẻ 4-5 tuổi thông qua giờ ăn, giúp những giờ ăn ở trường trở thành những giờ học có ý nghĩa lâu dài cho trẻ. Nghiên cứu này được thực hiện tại trường từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2016. Kết quả cho thấy, các kỹ năng sống nơi trẻ (nhóm kỹ năng giao tiếp xã hội; nhóm kỹ năng vệ sinh - tự phục vụ; nhóm kỹ năng dinh dưỡng - sức khỏe; nhóm kỹ năng phòng thân và nhóm kỹ năng toán học) đã phát triển ở mức độ rất cao và môi trường giờ ăn của trẻ đã được cải thiện đáng kể.

Từ khóa: trẻ mầm non, kỹ năng sống, môi trường, giờ ăn, giáo dục.

ABSTRACT: In recent years, many questions related to preschool children have been raised. Is it possible to teach basic life skills at kindergartens? What kind of life skills should be taught? Which method makes teaching life skills effectively? Why children have been badly abused at their own school in meal times by those people who are considered the children's "Second Mother"?

From this concern, we develop an educational environment to enhance life skills for children of 4-5 years old, particularly during their mealtimes. This experimental study was carried out at Trinh Vuong Kindergarten from January to June 2016. The results show that, children life skills including (Social Communication skills, Independence and Personal hygien skills; Health - Nutrition, Self-Protection skills and Mathematics skills) developed at a high level and mealtimes were significantly improved.

Key words: preschool children, life-skill, enviroment, mealtimes, education.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

“Kỹ năng sống chính là những kỹ năng tinh thần hay những kỹ năng tâm lý, kỹ năng tâm lý - xã hội cơ bản, giúp cho cá nhân tồn tại và thích ứng với cuộc sống” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013). Thế nên, việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ đang trở thành nhiệm vụ

quan trọng. Nó giúp trẻ hiểu biết và biến những tri thức đã học thành những hành động cụ thể với bản thân và với xã hội.

Giáo dục kỹ năng sống còn là việc trang bị những khả năng ứng phó với những biến động thường xuyên của môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Những kỹ năng này sẽ

(*)Thạc sĩ. Trường Mầm non Trinh Vương, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

là hành trang để trẻ bước vào đời. Bởi trẻ thiếu kinh nghiệm sống sẽ dễ dàng bị lôi kéo, kích động theo những hành vi tiêu cực, bạo lực, ích kỷ, thực dụng... dẫn đến sự lệch chuẩn hành vi và sai lệch nhân cách.

Hơn nữa, trẻ mầm non rất tò mò, ham khám phá, song cuộc sống lại luôn chứa đựng những yếu tố rủi ro, những nguy hiểm khó lường. Vì vậy, việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non nhằm giúp trẻ có những kinh nghiệm trong cuộc sống, biết phân biệt điều nên làm và nên tránh, giúp trẻ tự tin, tự lập hơn trong cuộc sống của mình.

Đĩ nhiên, giáo dục là công việc suốt đời, chứ không chỉ gói gọn trong thời gian học tập tại trường. Các nhà nghiên cứu về giáo dục cho trẻ em cho rằng “khung giờ vàng” để giáo dục trẻ là từ 0-6 tuổi. Nhà giáo dục trẻ em M. Montessori, người đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục trẻ mầm non quả quyết rằng “trong mỗi đứa trẻ đều có những tài năng tiềm ẩn. Sự chuẩn bị kỹ càng từ lúc đầu đời chính là chìa khóa thành công trong tương lai cho mỗi cháu” (Maria Montessori, 2015). Còn theo UNESCO, thì “8 tuổi đã là quá trễ để giáo dục kỹ năng sống” (Wendy Mendola, 2014).

2. NHỮNG KỸ NĂNG CÓ THỂ GIÁO DỤC TRẺ THÔNG QUA GIỜ ĂN

Vì giáo dục mầm non hướng đến việc phát triển toàn diện ở trẻ, được thực hiện trong tất cả các hoạt động, nên qua giờ ăn trưa tại trường, giáo viên có thể dạy trẻ rất nhiều điều, cụ thể là:

2.1. Giáo dục thể chất

Dạy trẻ biết thế nào là cảm giác no, cảm giác đói; dạy trẻ biết ăn chín, uống sôi, nhai kỹ, vệ sinh; không ăn lại thức ăn đã rơi vãi; biết giúp bạn trong những thao tác đơn giản như chuyển thức ăn, chuyển muỗng chén, khăn giấy, chuyển ghế đến gần chỗ bạn; biết làm những thao tác chuẩn bị và thu dọn bàn ăn.

2.2. Giáo dục đạo đức - tình cảm - kỹ năng xã hội

Dạy trẻ biết quý thức ăn; dạy trẻ biết chờ tới lượt mình; trẻ biết tự phục vụ mình trong bữa ăn; biết bày tỏ thái độ thích hay không thích về món ăn; không nói chuyện to tiếng; không đùa giỡn trong khi ăn; không trút thức ăn từ chén của mình sang chén của bạn và ngược lại; ăn đúng phần ăn của mình; biết định lượng sao cho đủ ăn, không lấy quá ít hoặc quá dư; chia sẻ món ăn yêu thích với bạn; không lấy lên đặt xuống món ăn bằng muỗng riêng từ đĩa chung; không chọn lựa nhiều lần; biết thông báo với cô giáo về tình trạng thể lực của mình trong ngày, biết dịch chuyển ghế sao cho trẻ và bạn cùng có chỗ ngồi thoải mái, thuận tiện cho việc ăn uống, biết phát hiện ra các bạn còn vắng mặt trong bàn ăn.

2.3. Giáo dục trí tuệ

Không chỉ giáo dục về thể chất, tình cảm và kỹ năng xã hội, giờ ăn còn là lúc mà trẻ được giáo dục nhiều về kiến thức như:

Xác định tên gọi và đặc điểm món ăn; nhận xét về mùi vị, màu sắc của thức ăn; ghi nhớ tên của món ăn trong ngày; cách ăn từng loại trái cây khác nhau, cách bóc vỏ, cách bỏ hạt; đếm số bạn, số muỗng, số phần trái cây, số ghế đủ với số bạn trong bàn ăn; cảm nhận bằng mắt tình trạng thức ăn...

2.4. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

Trẻ biết miêu tả về món ăn; trẻ biết nói cảm ơn, chia sẻ cảm nhận về thức ăn; biết cùng thảo luận với bạn về sự hứng thú với món ăn; biết đề nghị hoặc từ chối ăn thêm khi đã no; biết điều chỉnh âm giọng trong bữa ăn.

2.5. Giáo dục thẩm mỹ

Ngoài ra, trẻ còn được giáo dục cách trình bày bàn ăn sao cho đẹp, cách ăn uống sao cho lịch sự, văn minh:

Không bỏ thừa thức ăn, biết nhặt thức ăn rơi vãi bỏ vào nơi quy định; ăn uống gọn

gàng, không làm rơi vãi thức ăn; tư thế ngồi ăn lịch sự; cách bài trí món ăn...

Nhìn chung, chỉ qua một giờ ăn tại trường, người giáo viên có thể dạy trẻ rất nhiều kỹ năng sống. Bắt đầu từ những kỹ năng vệ sinh cơ bản cho đến những kỹ năng giao tiếp trong bữa ăn.

3. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIỜ ĂN THEO QUAN ĐIỂM CỦA DAVID KOLB VÀ MARIA MONTESSORI

3.1. Thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb

Thuyết học tập trải nghiệm của David A. Kolb được mô tả chi tiết trong chu trình Kolb [8], bao gồm các yếu tố:

Kinh nghiệm rời rạc (Concrete Experience): Tạo nên các kinh nghiệm, hình thành các kinh nghiệm trực tiếp và gián tiếp. Với trẻ mầm non, những kinh nghiệm rời rạc này đến từ những trang sách truyện trẻ nhìn thấy, những bộ phim hoạt hình, những câu chuyện cổ tích, những hiện tượng tự nhiên và xã hội diễn ra xung quanh chúng hằng ngày....

Quan sát có chủ định, có mục đích (Reflective Observation): Suy ngẫm lại những điều đã quan sát. Hành động quan sát không chỉ đơn thuần là việc sử dụng các giác quan, mà chúng đòi hỏi người học cần có khả năng phán đoán, phân tích, so sánh, tổng hợp tất cả các sự kiện dựa trên kinh nghiệm đã có. Trẻ mầm non chưa có ý thức học tập, quan sát. Do vậy, chỉ những gì gây ấn tượng mạnh mẽ, kích thích trí tò mò của chúng mới khiến chúng tích cực quan sát, tích cực tìm hiểu.

Khái niệm hóa (conceptualization): Bước này chính là bước quan trọng để các kinh nghiệm được chuyển đổi thành tri thức, hệ thống khái niệm và bắt đầu lưu giữ lại trong não bộ của người học. Tuy nhiên, với trẻ mầm non thì bước này chưa hình thành rõ nét.

Thử nghiệm tích cực (Active Experimentation): Kiểm chứng những giả thuyết, những khái niệm mình đã đưa ra. Công việc này muốn đạt kết quả cao thì việc thử nghiệm phải mang tính tích cực, mang tính cá nhân. Càng thử nghiệm nhiều càng có nhiều cơ hội củng cố kinh nghiệm của bản thân. Đôi khi thử nghiệm khiến người học phải lật ngược lại vấn đề, phải hủy bỏ đi một khái niệm mình đã chắc chắn để đi tìm một giả thuyết mới.

Trẻ mầm non thực hiện bước thử nghiệm này bằng sự tò mò, thích thú khám phá...chứ không nhằm tìm ra những giá trị như người lớn. Tựu trung, sự thử nghiệm ở trẻ mang tính ngẫu nhiên.

Nhà giáo dục mầm non có thể dựa vào lý thuyết của Kolb để xác định khả năng, kinh nghiệm đã có của trẻ để khơi gợi hứng thú, óc tìm tòi, ham khám phá; thường xuyên đặt trẻ vào tình huống "có vấn đề", để trẻ giải quyết vấn đề đó; cho trẻ trực tiếp thao tác với đồ vật, đồ dùng đồ chơi và các học cụ để trẻ tự khám phá, tự tìm kiếm thông tin. Giáo viên kiểm tra và điều chỉnh những hiểu biết của trẻ, giúp trẻ củng cố kiến thức, chính xác hóa các kiến thức mà chúng đã khám phá; giao nhiệm vụ học tập cho trẻ. Việc giao nhiệm vụ phải mang tính khả thi, phù hợp đặc điểm tâm lý và lứa tuổi trẻ.

3.2. Quan điểm của Maria Montessori

Quan điểm giáo dục của Maria Montessori mang nét đặc biệt, bởi nó không được trình bày như một quy trình phải theo, cũng chẳng là một mô hình cụ thể, bao gồm những bước hướng dẫn cụ thể, tiệp tiến để nhà giáo dục có thể theo đó mà thực hiện. Song nó mở ra một chân trời bao la, một không gian rộng lớn cho nhà giáo dục tùy hoàn cảnh và khả năng của mình, có thể thiết kế và xây dựng một môi trường giáo dục trẻ hoàn hảo nhất.

M. Montessori chỉ ra rằng đưa trẻ tự nó có khả năng thẩm thấu, học hỏi tất cả những

gì diễn ra xung quanh nó. Trẻ học cách tự nhiên mà không bị bất cứ điều gì cản trở. Giai đoạn thích hợp nhất để quá trình học tập của trẻ đạt kết quả cao là từ 0-6 tuổi, đặc biệt là giai đoạn từ 2-6 tuổi. Như thế, điều quan trọng không phải là dạy trẻ điều gì mà chính là tạo ra một môi trường thích hợp để giúp trẻ phát huy tối đa năng lực tự học nơi chúng (Maria Montessori, 2015).

Từ cách nhìn vấn đề như vậy, bà cho rằng cần phải tạo ra một môi trường cho trẻ tiếp nhận văn hóa, kiến thức một cách chủ động, bằng cách: Tuân thủ quy luật phát triển tự nhiên của con người. Thỏa mãn nhu cầu và quy luật cuộc sống.

Tạo môi trường thuận lợi: giúp trẻ phát triển tối đa năng lực thẩm thấu của chúng (Maria Montessori, 2015). Vì đối với trẻ nhỏ, thế giới đầy đầy những thứ kích thích cảm quan. Trẻ tiếp nhận tất cả mọi thứ, sau đó mới tiến hành sàng lọc. Chỉ khi tiếp thu kinh nghiệm từ môi trường sống, trẻ mới phát triển toàn diện.

Những ý tưởng này được thể hiện rõ trong bài viết "*Principles of the Montessori Method*". Tác giả Morrison (Morrison, 2014) đề cập đến năm phương pháp như là những chìa khóa để giáo dục trẻ mà nhà giáo dục phải quan tâm. Chúng bao gồm:

Tôn trọng trẻ (Respect for the Child)

Montessori cho rằng việc tôn trọng trẻ chính là nguyên tắc nền tảng đối với các nhà giáo dục. Bà cho thấy rằng chúng ta thường không tôn trọng trẻ, thường cố gắng bắt chúng phải theo chúng ta mà không quan tâm đến những nhu cầu đặc biệt của chúng.

Trẻ có khả năng tự thẩm thấu kiến thức và văn hóa (The Absorbent Mind)

Với quan điểm rằng trong mỗi đứa trẻ đều có khả năng tự học. Chúng học bằng sự ngấm dần, thấm dần, thẩm thấu dần kiến thức và văn hóa thông qua chính môi trường sống của chúng. Chúng được sinh ra để học và học một cách tự nhiên nhưng có hệ thống

và vô cùng đơn giản. Tuy nhiên, những gì trẻ học được lại tùy thuộc rất lớn vào người thầy giáo, vào kinh nghiệm và môi trường. Vì vậy, cách thức giáo dục đơn giản mà chúng ta có thể dành cho đứa trẻ chính là tạo ra cho chúng một môi trường hoạt động.

Những giai đoạn để tiếp nhận việc học (Sensitive Periods)

Montessori cho rằng ở nơi trẻ có những giai đoạn rất thích hợp và thuận lợi, khiến trẻ chịu ảnh hưởng từ những hành vi chuẩn xác và học tập những kỹ năng đặc biệt một cách dễ dàng.

Chuẩn bị - thiết kế - xây dựng môi trường học tập (The Prepared Environment)

Trong phương pháp giáo dục của Montessori thì việc chuẩn bị môi trường cho trẻ hoạt động là yếu tố vô cùng quan trọng. Bà cho rằng đứa trẻ học tập tốt nhất trong một môi trường được chuẩn bị kỹ càng. Đó là nơi mà chúng được tự mình làm những điều chúng thích.

Việc chuẩn bị môi trường chính là cung cấp những chất liệu, những dụng cụ, những phương tiện để trẻ được tự do khám phá, trải nghiệm theo định hướng của nhà giáo dục.

Tạo môi trường hoạt động cho trẻ là việc tạo khoảng không tự do, môi trường mở để trẻ tìm kiếm, khám phá thông qua hoạt động với đồ vật mà chúng chọn, những thứ gây hứng thú với chúng. Nhờ vậy mà chúng được độc lập, tích cực học hỏi, khám phá. Đây thực chất là phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Giáo dục cách tự nhiên, tự động (Autoeducation)

Montessori cho rằng trẻ có năng lực tự học. Vì bất cứ đứa trẻ nào bị thu hút vào trong một môi trường giáo dục đã được chuẩn bị sẵn và được tự do khám phá thì chính đứa trẻ đó đã có khả năng tự giáo dục mình (Educate Themselves).

Phương pháp của M. Montessori được đưa vào giáo dục trẻ mầm non thông qua việc xây dựng môi trường lớp học:

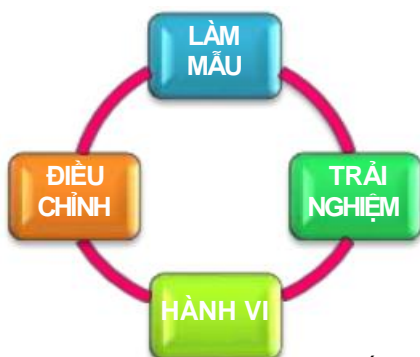
Tạo cho trẻ một không gian học tập, khám phá và tìm kiếm kiến thức trên cơ sở tôn trọng đúng mức khả năng tự học, tự thẩm thấu của trẻ. Cần kích thích, gây hứng thú, tạo môi trường cho trẻ hoạt động với đồ vật. Môi trường giáo dục, môi trường lớp học phải thường xuyên thay đổi, làm mới từ hình thức lẫn nội dung.

Quan sát và hỗ trợ trẻ phát triển theo định hướng của mình. Cách giáo dục này đòi hỏi người thầy giáo phải kiểm soát hành vi để không dẫn đến việc quan tâm quá mức, ép buộc, áp đặt hay bảo bọc một cách thô bạo đối với trẻ.

4. XÂY DỰNG MÔ HÌNH VÀ QUY TRÌNH THỰC NGHIỆM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ

4.1. Mô hình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tại trường

Mô hình này được xây dựng dựa trên sự áp dụng phối hợp giữa quan điểm giáo dục của M. Montessori và lý thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb. Điều người viết đặc biệt chú ý khi áp dụng cho trẻ chính là việc trẻ được trải nghiệm, khám phá, tích lũy kinh nghiệm cá nhân dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Song song đó là việc xây dựng môi trường vật chất và tâm lý an toàn, lành mạnh, kích thích trẻ chủ động khám phá, tìm tòi, trải nghiệm theo cách nhìn của M. Montessori.



Hình 1: Mô hình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tại trường

Trong mô hình này, có 4 yếu tố cơ bản được đặt ra:

Xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ:

Trẻ em được đặt vào một môi trường đã được xây dựng sẵn. Trong đó, trẻ là trung tâm của quá trình giáo dục, cụ thể là việc hình thành và phát triển các kỹ năng sống. Ở môi trường này, trẻ được quan sát cách chính thức các hoạt động làm mẫu của giáo viên. Trẻ được hoạt động trong bầu không khí an toàn, thoải mái, tinh thần tự tin, tính tự giác. Đồng thời, trẻ thẩm thấu các yếu tố văn hóa xã hội mà giáo viên đã đặt vào trong môi trường đó.

Yêu cầu đặt ra là môi trường mà giáo viên tạo ra cho trẻ phải là môi trường “vô trùng”, nghĩa là môi trường đó phải mang tính giáo dục cao và hạn chế tối đa các tác nhân xấu khiến trẻ có thể thẩm nhiễm.

Kích thích, gợi hứng, khuyến khích hoạt động trải nghiệm, khám phá:

Đây là yếu tố rất quan trọng. Giáo viên phải tạo cho trẻ sự ham thích, sự tự tin, tạo không gian phù hợp để trẻ trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm, khả năng, sự phán đoán của riêng chúng. Việc tạo ra một môi trường vật lý, môi trường tự nhiên cho trẻ hoạt động đã là một nỗ lực rất đáng ghi nhận. Song tạo được môi trường tâm lý an toàn thoải mái lại càng cần thiết hơn cả. Ta có thể hiểu nôm na rằng, nếu giáo viên xây dựng được một môi trường vật chất với đầy đủ các đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị phù hợp... song lại kiểm soát gắt gao quá trình hoạt động của trẻ, để kịp thời có những tác động như ngăn đê, cấm đoán, rầy la và thậm chí trách phạt trẻ khi chúng làm sai hỏng... thì sẽ chỉ khiến trẻ thêm ức chế mà thôi (Morrison, 2014). Sự ức chế này sẽ ngăn cản quá trình học tập của trẻ.

Tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, thể hiện qua các hành vi cụ thể:

Giáo viên cần cho trẻ nhiều cơ hội thể hiện suy nghĩ, hiểu biết của chúng qua

những hành vi cụ thể. Việc cần làm lúc này là quan sát hành vi của trẻ, để biết trẻ đã tích lũy được những gì, những gì là hay, là tốt, là đạt kết quả và những gì cần phải điều chỉnh.

Điều chỉnh các hành vi của trẻ:

Công việc này cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc, bởi trẻ chưa có năng lực trách nhiệm hành vi. Do đó, cần giúp trẻ hiểu và thực hành những hành vi, thói quen tốt để hạn chế những điều sai lệch. Việc áp dụng các hình thức nêu gương, khen thưởng động viên, khích lệ, tuyên dương... cần được ưu tiên sử dụng thay cho các hình thức răn đe, trách phạt.

Mô hình này là một vòng tròn khép kín, không bắt buộc điểm khởi đầu và điểm kết thúc. Điều quan trọng duy nhất chính là môi trường “sạch” cần phải có để trẻ hoạt động và thể hiện bản thân. Qua hoạt động của trẻ mà người giáo viên quan sát được, sẽ là cơ sở để tiến hành củng cố hay dập tắt một hành vi nào đó.

4.2. Đối tượng và khách thể tham gia thực nghiệm

Đối tượng: các kỹ năng sống thuộc 5 nhóm kỹ năng mà người viết đã trình bày ở trên.

Khách thể: gồm 79 trẻ thuộc 2 lớp Chồi và 12 giáo viên - nhân viên đang trực tiếp tham gia chăm sóc - giáo dục trẻ khối Chồi.

Công cụ đánh giá: Phiếu quan sát kỹ năng của trẻ. (Phiếu này được miêu tả chi tiết trong quy trình thực nghiệm).

Thời gian thực nghiệm: từ 14/3-17/5/2016. Việc phân bổ chi tiết cụ thể sẽ được trình bày trong quy trình thực nghiệm dưới đây.

4.3. Quy trình thực nghiệm

Quy trình thực nghiệm này được thiết lập bao gồm các giai đoạn được mô tả trong hình 2.



Hình 2: Quy trình thực nghiệm

Quy trình thực nghiệm gồm 3 lần quan sát và 2 đợt thực nghiệm, bắt đầu từ ngày 14 tháng 3 và kết thúc vào ngày 17 tháng 5 năm 2016. Thời gian phân bổ cụ thể như sau:

- Quan sát lần 1: từ 14 - 18/3/2016
 - Thực nghiệm lần 1: từ 22/3 - 8/4/2016
 - Quan sát lần 2: từ 11 - 19/4/2016
 - Thực nghiệm lần 2: từ 20/4 - 6/5/2016
 - Quan sát lần 3: từ 09 - 17/5/2016
- Kết thúc thực nghiệm.

Chúng tôi thực hiện đan xen giữa các đợt quan sát và các đợt thực nghiệm. Cứ sau một đợt quan sát dài từ 5 - 7 ngày sẽ là một đợt thực nghiệm kéo dài trong 3 tuần.

Phiếu quan sát trẻ thực hiện các kỹ năng là công cụ chúng tôi sử dụng trong suốt quá trình thực nghiệm để theo dõi, đánh giá mức độ tiến bộ của trẻ thông qua những tác động có chủ đích của chúng tôi. Thiết kế này dựa trên chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Cụ thể:

PHIẾU QUAN SÁT TRẺ TRONG GIỜ ĂN

Tên trẻLớp:.....Mã số.....
 Ngày quan sát:... Lần quan sát thứ:.....
 Tên người quan sát:.....
 Hướng dẫn quan sát:

Nhóm kỹ năng	BIỂU HIỆN	ĐẠT CHƯA ĐẠT	
		ĐẠT	CHƯA ĐẠT
...	...		

Về hình thức

Phần thông tin bao gồm các nội dung như tên trẻ, mã số (phục vụ cho việc xử lý kết quả quan sát), ngày quan sát, lần quan sát và hướng dẫn cách quan sát, cách ghi phiếu dành cho quan sát viên.

Cột thứ nhất ghi tên các nhóm kỹ năng. Trong mỗi nhóm kỹ năng có các tiểu kỹ năng. Vì vậy, cột thứ hai sẽ là số thứ tự các tiểu kỹ năng. Cột tiếp theo ghi chi tiết các biểu hiện cụ thể của từng kỹ năng. Hai cột cuối cùng để đánh dấu xác nhận mức độ đạt hoặc không đạt của trẻ trên từng kỹ năng.

Về nội dung

Phiếu quan sát được xây dựng trên 5 nhóm với 20 tiểu kỹ năng. Bao gồm nhóm kỹ năng giao tiếp - xã hội với 6 tiểu kỹ năng; nhóm kỹ năng vệ sinh - tự phục vụ với 4 tiểu kỹ năng; nhóm kỹ năng dinh dưỡng - sức khỏe gồm 5 tiểu kỹ năng; nhóm kỹ năng phòng thân gồm 2 tiểu kỹ năng và cuối cùng là nhóm kỹ năng toán học với 3 tiểu kỹ năng. Mỗi phiếu quan sát này chỉ dùng cho một bé trong một lần.

Sau khi hoàn thành phiếu quan sát, người viết tập huấn cho giáo viên cách thức quan sát và ghi kết quả trên phiếu. Tiếp đến, chúng tôi quan sát thử lần thứ nhất với cả 4 lớp Chồi trong trường. Mỗi lớp sẽ quan sát 3 trẻ. Tổng số trẻ được quan sát trong đợt này là 12 bé. Khi đã ổn định và chưa gặp trục trặc nào trong quá trình quan sát thử, chúng tôi chính thức đi vào giai đoạn thực nghiệm.

5. NỘI DUNG THỰC NGHIỆM

Nội dung thực nghiệm chính là những tiêu chí giáo dục kỹ năng sống mà chúng tôi tổng hợp từ chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cũng như tham khảo một số nước trên thế giới. Sau đó sắp xếp theo 5 nhóm kỹ năng, mỗi nhóm bao gồm nhiều tiểu kỹ năng. Cụ thể như sau:

Nhóm kỹ năng giao tiếp - xã hội

Bao gồm các kỹ năng giúp trẻ biết sử dụng ngôn ngữ lịch sự, lễ phép, đúng nghĩa trong cuộc sống hằng ngày. Các quy tắc, quy định trong ứng xử nơi công cộng; các quy tắc giao tiếp thông thường trong sinh hoạt hằng ngày; các kỹ năng biểu thị cảm xúc của bản thân và kiềm chế cảm xúc tiêu cực; biểu

thị cảm xúc về bữa ăn, thức ăn; hiểu biết và chọn lựa thực hiện các hành vi nên trong bữa ăn cũng như tránh những hành vi không thích hợp...

Nhóm kỹ năng vệ sinh - tự phục vụ

Bao gồm các kỹ năng cụ thể, thể hiện qua giờ ăn tại trường như việc trẻ tự chuẩn bị bàn ăn, tự lấy thức ăn, tự thực hiện tốt các thao tác vệ sinh cá nhân; cùng với bạn tuân thủ lịch trực nhật theo sự thỏa thuận với cô và với bạn; có những kỹ năng vệ sinh phù hợp...

Nhóm kỹ năng dinh dưỡng - sức khỏe

Yêu cầu đặt ra với nhóm kỹ năng này là trẻ có thể nhận biết và nói về các món ăn, một số kiểu chế biến cơ bản; các chất dinh dưỡng cơ bản theo tháp dinh dưỡng; khả năng định lượng thức ăn theo nhu cầu bản thân; khả năng cảm nhận, nếm, xác định mùi vị thức ăn; hoàn thành bữa ăn và biết quý trọng lương thực...

Nhóm kỹ năng phòng thân

Thể hiện ở một số thao tác cơ bản nhằm phòng tránh những nguy hiểm có thể xảy ra trong bữa ăn: hóc sặc, sờ tay vào thức ăn nóng, chạy nháy gần khu vực để thức ăn có thể làm đổ; cách kiểm tra độ nóng của thức ăn...

Nhóm kỹ năng toán học

Bao gồm kỹ năng tính toán có thể giáo dục trẻ trong bữa ăn: đếm và sắp xếp đồ dùng ăn uống, trái cây, món ăn, so sánh số lượng món ăn của ngày trước và sau; đếm và sắp chén muống... đủ với số lượng bạn trong cùng bàn ăn; đếm số bạn hiện diện hay vắng mặt...

Việc sắp xếp theo nhóm kỹ năng này chỉ mang tính tương đối. Vì có những kỹ năng vừa thuộc nhóm này song cũng đồng thời thuộc nhóm khác.

Sau mỗi đợt quan sát - thực nghiệm, chúng tôi xử lý thống kê đơn giản bằng cách tính phần trăm, tính mức độ đạt trung bình theo nhóm kỹ năng và có được kết quả sau.

6. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Bảng 1: Kết quả thực nghiệm

Nhóm Kỹ năng	Mức độ đạt lần 1 (%)	Mức độ đạt lần 2 (%)	Mức độ đạt lần 3 (%)
Giao tiếp - xã hội	72	96	96
Vệ sinh - tự phục vụ	91	95	96
Dinh dưỡng - sức khỏe	54	83	85
Phòng thân	89	97	97
Toán học	56	85	86

Kết quả quan sát lần đầu tiên cho thấy, nhóm kỹ năng vệ sinh - tự phục vụ đã đạt ở mức độ rất cao, chiếm 91%. Kế đến là nhóm kỹ năng phòng thân với 89% tỷ lệ đạt. Kỹ năng giao tiếp xã hội mới chỉ đạt được ở mức khá.

Tuy hai nhóm kỹ năng còn lại, bao gồm kỹ năng toán học và kỹ năng dinh dưỡng mới chỉ đạt ở mức trung bình. Điều đó có nghĩa là còn tới nửa số trẻ chưa đạt kỹ năng toán học và dinh dưỡng. Vì vậy, trong tác động thực nghiệm, chúng tôi tiến hành tác động mạnh mẽ và tích cực hơn đến 2 nhóm kỹ năng mà trẻ chưa đạt ở mức độ chúng tôi mong muốn.

Lần quan sát thứ ba cho thấy tất cả các kỹ năng sống mà chúng tôi muốn giáo dục cho trẻ đều đã tăng đáng kể. Không còn kỹ năng nào ở mức trung bình mà tất cả đều đã

đạt được ở mức rất cao. Trong đó, nhóm kỹ năng phòng thân đã đạt được 97%. Kế đến là hai nhóm kỹ năng giao tiếp xã hội và vệ sinh-tự phục vụ cùng đạt mức 96%. Còn lại hai nhóm kỹ năng dinh dưỡng - sức khỏe và toán học cũng đã nâng lên mức 85-86%.

7. KẾT LUẬN

Việc thực nghiệm giáo dục kỹ năng sống cho trẻ khối Chồi tại Trường Mầm non Trinh Vương đã được thực hiện một cách nghiêm túc và hiệu quả. Những kết quả như đã trình bày cho thấy rằng sự tác động mạnh mẽ và tích cực từ phía nhà trường đến trẻ đã có những biến chuyển tích cực. Trẻ đã có sự tiến bộ rõ rệt trong từng nhóm kỹ năng và từng kỹ năng riêng lẻ.

Giờ ăn cũng đồng thời là cơ hội để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Gần như mọi kỹ năng đều có thể giáo dục trẻ thông qua giờ ăn.

Nghiên cứu này góp phần thay đổi cách nhìn, cách suy nghĩ về giờ ăn vốn tồn tại trong quan niệm thông thường. Nghiên cứu cho thấy rằng bữa ăn không chỉ đơn thuần là nhiệm vụ phải làm, không chỉ là việc cung cấp thức ăn sao cho đưa trẻ mau lên cân... Quan trọng hơn cả, giờ ăn giờ đây được nhìn ở góc độ giáo dục, trở thành giờ học, giờ của niềm vui, của sự sẻ chia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013). *Chương trình giáo dục mầm non*.
2. Huỳnh Văn Sơn (2009). *Nhập môn kỹ năng sống*. Nxb. Giáo dục.
3. Maria Montessori. *Phương pháp giáo dục Montessori - Sức thấm thấu của tâm hồn*. Lê Nhật Minh dịch (2015). Nxb. Đại học Sư phạm.
4. Morrison - Pearson Allyn Bacon Prentice Hall. Updated on Apr 30, 2014. Principles of the
5. Montessori Method. <http://www.education.com>.
6. Thomas Gordon. *Giáo dục không trừng phạt*. Nguyễn Ngọc Diệp - Trần Thu Hương dịch (2014). Nxb. Tri thức.
7. Wendy Mendola (2014). *Turn Mealtime In To Learning Time*.
8. <https://duongtrongtan.wordpress.com/tag/kolb/>.

Ngày nhận bài: 05/9/2016. Ngày biên tập xong: 09/3/2017. Duyệt đăng: 24/3/2017